

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 33

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Súp thịt bò, bí đỏ, nấm đông cô tươi, trứng gà, bột năng, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt heo kho đậu hũ, hạt cà ri, hành lá
- Canh cải ngọt nấu tôm tươi, hành ngò
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Bún cá diêu hồng, cà chua, rau muống, củ cải, tỏi phi, ngò gai

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	200	3,140	6,280
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
4	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	0649	Bột năng	300	4,675	14,025
9	0085	Bí đỏ (bí ngô)	300	4,200	12,600
10	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	100	27,300	27,300
11	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
12	0286	Thịt bò loại II	500	36,750	183,750
13	N0809	Đậu hũ chiên	500	3,800	19,000
14	N0861	Dầu màu điều	20	42,900	8,580
15	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	400	21,630	86,520
16	N0770	Thịt nạc dăm	700	18,480	129,360
17	0190	Cải ngọt	600	4,410	26,460
18	0424	Tôm sú	500	32,030	160,150
19	0653	Bún khô	400	4,950	19,800
20	0087	Cà chua	300	7,880	23,640
21	0103	Củ cải trắng	200	3,150	6,300
22	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
23	0748	Rau muống	100	3,570	3,570
24	N0799	Cá diêu hồng phi lê	500	22,680	113,400
25	0457	Sữa bột toàn phần	609.78	20,500	125,005
26	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	1,056	14,750	155,760

Tổng chợ	1,221,000
----------	-----------

Tổng tiền thực phẩm	1,221,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,221,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	19,203,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	19,202,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan